

Số: 41/NQ-HĐND

Mường Sại, ngày 18 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MUỜNG SẠI
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 592/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-BKTNS ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026

1.1. Mục tiêu: Gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch, phát triển hạ tầng và quản lý đất đai; thúc đẩy phát triển đồng bộ kinh tế - văn hóa - xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền số. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo để phát triển con người toàn diện, có khát vọng cống hiến. Tập trung phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái vùng lòng hồ, hình thành các vùng chuyên canh gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026: 18 chỉ tiêu (có biểu kèm theo)

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Về phát triển kinh tế

2.1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Trên cơ sở 355 ha cây ăn quả hiện có từ năm 2025, năm 2026 phấn đấu trồng mới thêm 10 ha tại các bản có điều kiện phù hợp như bản Nong, Thống Nhất, Dọ... Tập trung hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật canh tác trên đất dốc nhằm nâng cao năng suất, phấn đấu sản lượng lương thực có hạt đạt 2.733,8 tấn; ưu tiên thâm canh

diện tích lúa và ngô tại những khu vực ít chịu ảnh hưởng của thiên tai. Đồng thời, từng bước ổn định và phát triển vùng trồng cây công nghiệp (cà phê) tại các bản, góp phần tạo nguồn thu nhập ổn định cho nhân dân.

- Tiếp tục hướng dẫn các hộ gia đình và hợp tác xã chăm sóc, bảo vệ diện tích 40,5 ha mặt nước và trên 490 lồng cá hiện có. Phấn đấu tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản năm 2026 đạt 2.400 tấn, tập trung phát triển các loài cá có lợi thế như cá lăng, cá chép, cá rô phi. Tăng cường công tác tuần tra, tuyên truyền, vận động nhân dân không sử dụng các hình thức khai thác thủy sản trái quy định, nhằm bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản vùng lòng hồ.

- Tập trung phát triển đàn vật nuôi theo hướng chăn nuôi tập trung, nuôi nhốt gắn với kiểm soát dịch bệnh, phấn đấu tổng đàn đạt 75.975 con. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được quan tâm, giữ vững diện tích 4.775,58 ha rừng hiện có, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,94%. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa hanh khô, thực hiện hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ”.

2.1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Duy trì ổn định các cơ sở cắt hàn, lắp đặt nhôm kính và phát triển dịch vụ cung ứng vật liệu xây dựng đáp ứng nhu cầu sửa chữa nhà ở của nhân dân. Từng bước phát triển tiểu thủ công nghiệp phù hợp với quy mô kinh tế địa phương

2.1.3. Thương mại - dịch vụ - du lịch: Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng ngành thương mại, dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hóa các loại hình thương mại - dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; quyết tâm đưa du lịch sinh thái gắn với phát triển nông nghiệp chất lượng cao trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, làm khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2.1.4. Tài chính, tín dụng: Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả mọi nguồn thu trên địa bàn xã. Chi ngân sách đảm bảo đúng luật và cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, nhất là việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội; làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công.

2.1.5. Công tác phát triển doanh nghiệp và HTX: Phát huy lợi thế của điều kiện tự nhiên, tiếp tục phát triển kinh tế vùng theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, từng bước công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

2.1.6. Lĩnh vực đầu tư xây dựng: Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư; tranh thủ, nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; ưu tiên đầu tư các dự án cần thiết, cấp bách, dự án phục vụ phát triển sản xuất; thực hiện chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng đô thị.

2.1.7. Tài nguyên, môi trường: Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả công tác quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước và biến đổi khí hậu, đảm bảo quản lý chặt chẽ, sử dụng và khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu phục vụ

phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

2.2.8. Chương trình mục tiêu Quốc gia: Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư từ Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu giảm nghèo; Chương trình Xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu Quốc gia khác nhằm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ và nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn xã.

2.2. Văn hoá - xã hội

2.2.1. Giáo dục - đào tạo: Tiếp tục đổi mới quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; tăng cường đầu tư cơ sở trường, lớp học. Tập trung nâng cao chất lượng toàn diện về giáo dục và đào tạo, chú trọng đến giáo dục; duy trì, củng cố phổ cập giáo dục ở các bậc học; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở tất cả các ngành nghề, lĩnh vực của xã.

2.2.2. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho nhân dân; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế Quốc gia; không để xảy ra dịch bệnh bùng phát ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động kết hợp cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình để nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn xã.

2.2.3. Văn hoá thông tin: Tiếp tục triển khai chiến lược Văn hóa và hoàn thiện các chỉ tiêu về văn hóa những năm tiếp theo. Mỗi người đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của bản thân và cơ quan đơn vị. Đảm bảo mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.2.4. Thể dục - thể thao, văn hóa - văn nghệ, Truyền thanh - Truyền hình: Giữ gìn, phát huy nét đẹp truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc; đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông, hoạt động thể dục, thể thao, hoạt động vui chơi, giải trí, phong trào văn nghệ quần chúng nhằm nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa, tinh thần cho nhân dân. Thực hiện hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho các hộ nghèo, theo tiêu chuẩn nghèo, hộ cận nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm thực hiện hỗ trợ đầu thu; hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách theo quy định của nhà nước.

2.2.5. Lĩnh vực an sinh xã hội và giảm nghèo: Thực hiện hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề, hỗ trợ vay vốn ưu đãi; khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động và vận động người dân tham gia làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật sản xuất, tạo sinh kế bền vững, đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; huy động nguồn lực xã hội, giảm nhanh số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia, nhất là ở vùng khó khăn, phấn đấu đến năm 2030 toàn xã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

2.3. Lĩnh vực nội chính và công tác phòng chống tham nhũng

2.3.1. Công tác cải cách hành chính, công tác cán bộ, thi đua khen thưởng:

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực, cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách hành chính công và hiện đại hóa nền hành chính trên địa bàn xã. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; gắn kết quả cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng; chủ động áp dụng các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả, nhất là trong cải cách thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tổ chức bộ máy và công tác cán bộ; bảo đảm việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, tuyển dụng, sử dụng và thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức đúng chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và người đứng đầu trong công tác thi đua, khen thưởng; tăng cường phối hợp giữa các tổ chức trong triển khai nhiệm vụ; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề và theo đợt do cấp trên phát động.

2.3.2. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và cải cách tư pháp:

a) Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị; Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18/5/2012 và các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 02/5/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW; Quy định số 12-QĐi/TU ngày 27/02/2019 của Tỉnh ủy Sơn La về đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh với nhân dân. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài, đông người, không để phát sinh điểm nóng; phát huy vai trò của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định.

b) Cải cách tư pháp: Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về công tác cải cách tư pháp, công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân theo tinh thần Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ đảng viên và Nhân dân. Tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 13.01.2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tư pháp và cải cách tư pháp cho đội ngũ cán bộ, công chức, chiến sĩ trong các cơ quan, đơn vị nội chính, tư pháp.

2.3.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng: Thực hiện công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả cơ chế một

cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, giám sát. Tiếp tục tinh giản biên chế, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và chế độ thông tin, báo cáo. Phối hợp chặt chẽ trong phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nghiêm túc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm toán và quyết định xử lý sau thanh tra.

2.4. Công tác quốc phòng, an ninh

2.4.1. Công tác quốc phòng: Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thực hiện tốt công tác diễn tập, huấn luyện theo chỉ tiêu, nâng cao năng lực tham mưu của các lực lượng và nhận thức về quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thực hiện nghiêm công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm đạt 100% chỉ tiêu hằng năm.

2.4.2. Công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội: Thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; bám sát cơ sở nắm chắc tình hình liên quan đến ANCT-TTXH trên địa bàn, trọng tâm là tình hình an ninh nông thôn, an ninh vùng dân tộc, an ninh tôn giáo. Tích cực tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh trật tự, an toàn xã hội. Phấn đấu 100% cơ quan, doanh nghiệp, trường học, khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Hội đồng nhân dân xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Mường Sại khóa XXI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Sơn La;
- UBND tỉnh Sơn La;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- TT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Dũng

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Mường Sại)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	So sánh Ước thực hiện năm 2025 (%)
			Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
	TỔNG SỐ: 19 CHỈ TIÊU					
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ	5 chỉ tiêu				
1	GRDP bình quân năm 2026	Triệu đồng/người/năm	45	45.15	46.00	102%
2	Cơ cấu kinh tế năm 2026 (%)	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	29	33.50	35	104%
		Đàn vật nuôi	73	50.274	75.975	151%
		- CN - XD		2	2	100%
		- Dịch vụ		20	21	105%
		- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp		5.07	6	118%
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2026	Tỷ đồng		32	40	125%
4	Thành lập mới, duy trì doanh nghiệp, HTX trên địa bàn	Doanh nghiệp, HTX		4	5	125%
5	Thu ngân sách trên địa bàn năm 2026	Triệu đồng	30	56.190	125	222%
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI	9 chỉ tiêu				
6	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2026	%		73	74	101%
7	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động	%		85	87	102%
	Lao động đi làm việc ở nước ngoài	Người	1	1	2	200%
	TĐ: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	35	30	31	103%
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%		4.50	3.60	80%
9	Số bác sĩ/10.000 dân đến năm 2026	Bác sĩ	2	0.02	0.02	100%

	Số giường bệnh/10.000 dân đến năm 2026	Giường	10	0.10	0.10	100%
10	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	100	95	95	100%
11	Chỉ tiêu nông thôn mới					
	- Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	1	1	1	100%
12	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn danh hiệu văn hóa đạt	%		72	74	103%
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “gia đình văn hóa”	%	90	86.50	87	101%
13	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2026	%	100	100	100	100%
14	Tỷ lệ bản, tiểu khu, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng năm 2026	%	75	50	60	120%
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG	4 chỉ tiêu				
15	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2026	%	50	30	35	117%
16	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2026	%	85	73	79	108%
	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật qua sử dụng được thu gom	%	100	100	100	100%
	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đúng quy định đạt	%	61	61	70	110%
17	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định (<i>bao gồm cả diện tích cây ăn quả trên đất dốc</i>) đến năm 2026	%	38	38.84	41.94	108%
IV	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH, TRẬT TỰ	1 chỉ tiêu				
18	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến năm 2026	%	100	100.00	100	100%
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đến hết năm 2026	%	95	100.00	100	100%